



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỰ LẬP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng tự lập của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
-------------------------	-----------------------

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Thị Mỹ Nga
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	1/1/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		320,931,123,391	67,998,536,296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,460,486,951	517,356,034
1. Tiền	111	4	1,460,486,951	517,356,034
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319,180,636,440	67,481,180,262
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15,701,294,000	10,501,000,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		927,616,995	124,240,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	305,351,725,445	58,855,940,262
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2,800,000,000)	(2,000,000,000)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		290,000,000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		290,000,000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,456,825,556,489	1,455,972,887,888
I. Tài sản cố định	220		738,272,770	825,367,909
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	738,272,770	825,367,909
- Nguyên giá	222		1,139,016,215	1,139,016,215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(400,743,445)	(313,648,306)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		876,866,182	838,998,182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	876,866,182	838,998,182
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1,453,865,075,702	1,454,195,106,587
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,496,280,439,692	1,471,038,932,350
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239,100,000	599,100,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(42,654,463,990)	(17,442,925,763)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1,345,341,835	113,415,210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1,345,341,835	113,415,210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,777,756,679,880	1,523,971,424,184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	1/1/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		849,508,142,162	586,110,878,738
I. Nợ ngắn hạn	310		746,144,116,397	482,855,877,127
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	4,834,202,016	2,340,582,937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50,000,000	50,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5,541,081,348	2,698,552,883
4. Phải trả người lao động	314		1,271,153,056	499,285,205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	32,172,357,162	4,745,063,767
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	888,982,683	98,422,392,335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	701,386,340,132	374,100,000,000
II. Nợ dài hạn	330		103,364,025,765	103,255,001,611
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	103,364,025,765	103,255,001,611
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		928,248,537,718	937,860,545,446
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	928,248,537,718	937,860,545,446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815,897,350,000	815,897,350,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		815,897,350,000	815,897,350,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	65,976,720,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		112,351,187,718	55,986,475,446
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		55,986,475,446	2,853,792,912
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		56,364,712,272	53,132,682,534
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,777,756,679,880	1,523,971,424,184



Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q2.2020	Q2.2019	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10,545,721,818	-	32,005,721,818	29,524,997,273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	10,545,721,818	-	32,005,721,818	29,524,997,273
4. Giá vốn hàng bán	11	20	687,269,163	(2,440,707,109)	1,373,603,971	1,348,259,868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9,858,452,655	2,440,707,109	30,632,117,847	28,176,737,405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	22,656,709,931	34,936,289,218	22,656,818,784	35,167,664,206
7. Chi phí tài chính	22	22	(84,199,517,190)	(13,697,737,489)	58,674,356,898	(4,619,230,983)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16,671,996,947	2,680,632,192	33,173,794,517	5,299,262,329
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1,719,804,836	3,636,445,314	3,942,350,617	5,452,897,278
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		114,994,874,940	47,438,288,502	(9,327,770,884)	62,510,735,316
10. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
11. Chi phí khác	32	24	284,236,844	-	284,236,844	-
12. Lợi nhuận khác (40 = - 32)	40		(284,236,844)	-	(284,236,844)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		114,710,638,096	47,438,288,502	(9,612,007,728)	62,510,735,316
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	2,733,356,420	-	5,747,845,623
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		114,710,638,096	44,704,932,082	(9,612,007,728)	56,762,889,693


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020



Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(9,612,007,728)	62,510,735,316
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	87,095,139	40,117,545
- Các khoản dự phòng	03	26,011,538,227	(10,135,493,312)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	179,811,901	(35,167,664,206)
- Chi phí lãi vay	06	33,173,794,517	5,516,262,329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	49,840,232,056	22,763,957,672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(252,499,456,178)	13,258,031,227
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(98,959,525,315)	537,229,903
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,521,926,625)	(376,061,776)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,947,005,778)	(5,165,371,918)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6,200,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(307,087,681,840)	24,817,785,108
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(37,868,000)	(11,873,850,639)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10,000,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20,200,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25,241,507,342)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	180,000,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,326,102,899	30,930,814,894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18,773,272,443)	29,256,964,255
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	348,130,000,000	300,000,000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21,325,914,800)	(300,000,000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(61,401,300,165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	326,804,085,200	(61,401,300,165)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	943,130,917	(7,326,550,802)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	517,356,034	30,043,826,572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	1,460,486,951	22,717,275,770



Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 11 ngày 10/06/2020 với vốn điều lệ của Công ty là 815.897.350.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có 04 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 79,69%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 95,49%.
- Công ty Cổ phần English Now Global với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 80%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)*

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 66,66% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần English Now Global: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

4. TIỀN

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	105,786,263	175,029,462
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,354,700,688	342,326,572
Cộng	1,460,486,951	517,356,034

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>15,701,294,000</i>	<i>10,501,000,000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư An toàn Safeinvest	11,701,294,000	6,501,000,000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (i)	4,000,000,000	4,000,000,000

Ghi chú:

1. Khoản phải thu khó đòi, Công ty đã tiến hành đánh giá trích lập dự phòng tại thời điểm ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020		1/1/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	305,351,725,445	-	58,855,940,262	-
Tạm ứng	5,579,180,309	-	8,621,708,511	-
Mai Thị Trà My	-	-	8,584,402,400	-
Nguyễn Thị Hải	5,570,866,000	-	-	-
Các đối tượng khác	8,314,309	-	37,306,111	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	276,122,597,500	-	42,915,000,000	-
- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (i)	42,330,000,000	-	42,330,000,000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy (ii)	233,787,597,500	-	-	-
- Các đối tượng khác	5,000,000	-	585,000,000	-
Phải thu khác	23,649,947,636	-	7,319,231,751	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax English	-	-	6,325,914,800	-
- Nguyễn Ngọc Thủy (iii)	22,656,630,685	-	-	-
- Các đối tượng khác	993,316,951	-	993,316,951	-
b) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	993,316,951	-	7,319,231,751	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax English	-	-	6,325,914,800	-
- Công ty Cổ phần English Now Global	859,702,542	-	859,702,542	-
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	133,614,409	-	133,614,409	-

Ghi chú:

- (i) Giá trị đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “Phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng “Phần dự án trường học” trên khu đất thuộc dự án trên của Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Tiến độ hoàn thành sẽ là trong quý 4 năm 2020. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện đầu tư đặt cọc mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Biên bản họp số 0201/2020/BB-HĐQT ngày 2/1/2020 và Nghị quyết số 0801/2020/NQ-HĐQT ngày 08/01/2020 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty đã thực hiện đặt cọc mua cổ phần từ Ông Nguyễn Ngọc Thủy - Cổ đông của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.
- (iii) Là khoản lãi đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Ngọc Thủy và công ty ký ngày 2/1/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. NỢ XẤU**

	30/06/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4,000,000,000	1,200,000,000	4,000,000,000	2,000,000,000
	4,000,000,000	1,200,000,000	4,000,000,000	2,000,000,000

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
1/1/2020	802,350,909	336,665,306	1,139,016,215
Tăng do mua sắm	-	-	-
30/06/2020	802,350,909	336,665,306	1,139,016,215
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1/1/2020	234,019,000	79,629,306	313,648,306
Khấu hao trong kỳ	40,117,542	52,693,308	92,810,850
Giảm khác	-	(5,715,711)	(5,715,711)
30/06/2020	274,136,542	126,606,903	400,743,445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1/1/2020	568,331,909	257,036,000	825,367,909
30/06/2020	528,214,367	210,058,403	738,272,770

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	838,998,182	838,998,182
Chi phí xây dựng Website Haravan	37,868,000	-
Cộng	876,866,182	838,998,182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- <i>Đầu tư vào công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	1,496,280,439,692	(42,529,363,990)	1,471,038,932,350	(17,317,825,763)
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	1,280,576,840,000	-	1,280,576,840,000	-
	174,900,000,000	(33,524,902,259)	168,500,000,000	(15,731,569,711)
Công ty Cổ phần English Now Global (i)	40,000,000,000	(8,703,729,105)	21,158,492,658	(1,456,009,686)
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia (ii)	803,599,692	(300,732,626)	803,599,692	(130,246,366)
	239,100,000	(125,100,000)	599,100,000	(125,100,000)
- Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần May Nam Định	-	-	360,000,000	-
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125,100,000	(125,100,000)	125,100,000	(125,100,000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114,000,000	-	114,000,000	-
Cộng	1,496,519,539,692	(42,654,463,990)	1,471,638,032,350	(17,442,925,763)

Ghi chú:

- (i) Trong Nghị quyết số 3103/2020/NQ-HDQT ngày 31/03/2020, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tăng phần vốn góp của Apax Holdings tại “Công ty Cổ phần English Now Global”. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần English Now Global là 50 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đã góp vốn là 25,5 tỷ VND, phần vốn góp tăng thêm là 14,5 tỷ VND nâng tỷ lệ sở hữu lên 80% vốn điều lệ Công ty Cổ phần English Now Global. Công ty Cổ phần English Now Global sẽ vận hành chuỗi Trung tâm tiếng anh với thương hiệu “EnglishNow”.
- (ii) Trong Nghị quyết số 1908/2019/QĐ-HDQT ngày 19/08/2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tham gia góp vốn thành lập “Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia”. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia là 300 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings góp vốn là 153 tỷ VND, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	48,769,384	79.69%	79.69%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	17,490,000	95.49%	95.49%	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	4,000,000	80.00%	80.00%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	80,360	51.00%	51.00%	Giáo dục tiểu học

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		1/1/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	4,834,202,016	4,834,202,016	2,340,582,937	2,340,582,937
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	1,302,917,400	1,302,917,400	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	1,302,917,400	1,302,917,400	1,302,917,400	1,302,917,400
Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	443,723,700	443,723,700	793,723,700	793,723,700
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	-	-	-	-
Các đối tượng khác	399,895,316	399,895,316	243,941,837	243,941,837
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	460,884,695	2,927,664,256	460,766,288	2,927,782,663
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,994,122,469	-	-	1,994,122,469
Thuế thu nhập cá nhân	243,545,719	359,896,798	256,336,230	347,106,287
Các loại thuế khác	-	9,078,133	9,078,133	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	272,069,929	-	272,069,929
Cộng	2,698,552,883	3,568,709,116	726,180,651	5,541,081,348

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	32,172,357,162	4,745,063,767
Trích trước chi phí lương, thưởng	-	1,394,305,757
Lãi trái phiếu	299,178,082	299,178,082
Trích trước chi phí lãi tiền vay	31,873,179,080	2,646,390,341
Chi phí phải trả khác	-	405,189,587
Cộng	32,172,357,162	4,745,063,767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>290,000,000</i>	<i>-</i>
Phí tư vấn tài chính	290,000,000	-
<i>Dài hạn</i>	<i>1,345,341,835</i>	<i>113,415,210</i>
Phí tư vấn tài chính	1,258,862,000	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	86,479,835	113,415,210
Cộng	376,479,835	113,415,210

15. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>927,616,995</i>	<i>124,240,000</i>
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	100,000,000	100,000,000
Công ty Cổ phần Vicad Tư vấn Đầu tư và Thiết kế	827,616,995	-
Đối tượng khác		24,240,000

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>888,982,683</i>	<i>98,422,392,335</i>
BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ	296,486,982	33,351,200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	592,495,701	98,389,041,135
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy - bên liên quan (i)	-	97,800,000,000
- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)	589,041,135	589,041,135
- Các đối tượng khác	3,454,566	-

Ghi chú:

- (i) Khoản phải trả theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đã được thanh toán.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2020		Trong kỳ		1/1/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	<i>701,386,340,132</i>	<i>701,386,340,132</i>	<i>348,612,254,932</i>	<i>21,325,914,800</i>	<i>374,100,000,000</i>	<i>374,100,000,000</i>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	691,404,085,200	691,404,085,200	348,130,000,000	6,325,914,800	349,600,000,000	349,600,000,000
Bà Trương Thị Tâm(i)	9,982,254,932	9,982,254,932	482,254,932	15,000,000,000	24,500,000,000	24,500,000,000
<i>b) Vay dài hạn</i>	<i>103,364,025,765</i>	<i>103,364,025,765</i>	<i>109,024,154</i>	<i>-</i>	<i>103,255,001,611</i>	<i>103,255,001,611</i>
Trái phiếu phát hành	103,364,025,765	103,364,025,765	109,024,154	-	103,255,001,611	103,255,001,611
<i>c) Trong đó: vay ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>691,404,085,200</i>	<i>691,404,085,200</i>	<i>348,130,000,000</i>	<i>6,325,914,800</i>	<i>349,600,000,000</i>	<i>349,600,000,000</i>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	691,404,085,200	691,404,085,200	348,130,000,000	6,325,914,800	349,600,000,000	349,600,000,000

(2) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 11.06/2020/HĐVT/TTTAM-APAX HOLDINGS ngày 11/6/2020 với số tiền cho vay là 9.982.254.932 đồng bao gồm dư nợ gốc vay của hợp đồng số 11.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 11/12/2019 và lãi vay theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 11/6/2020, mục đích vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp, thời hạn vay là 5 tháng từ ngày 11/6/2020 đến ngày 11/11/2020 với lãi suất là 12%.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	688,800,000,000	65,976,720,000	64,845,792,912	819,622,512,912
Tăng vốn góp trong năm	127,097,350,000	-	-	127,097,350,000
Lãi trong năm trước	-	-	53,132,682,534	53,132,682,534
Phân phối lợi nhuận	-	-	(61,992,000,000)	(61,992,000,000)
1/1/2020	815,897,350,000	65,976,720,000	55,986,475,446	937,860,545,446
Lỗ trong kỳ này	-	-	(15,735,421,427)	(15,735,421,427)
Tăng khác	-	-	65,976,720,000	65,976,720,000
Giảm khác	-	(65,976,720,000)	-	(65,976,720,000)
30/06/2020	815,897,350,000	-	106,227,774,019	922,125,124,019

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	543,899,990,000	543,899,990,000
Các đối tượng khác	271,997,360,000	271,997,360,000
Cộng	815,897,350,000	815,897,350,000

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Lũy kế
	VND	VND
a) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,545,721,818	32,005,721,818
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	10,545,721,818	32,005,721,818
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,545,721,818	32,005,721,818

Ghi chú:

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm bao gồm doanh thu theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản trị, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	687,269,163	1,373,603,971
Cộng	687,269,163	1,373,603,971

Ghi chú:

- (i) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79,246	188,099
Lãi dự thu khoản đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc Thủy	22,656,630,685	22,656,630,685
Cộng	22,656,709,931	22,656,818,784

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	15,361,311,915	30,554,844,746
Lỗ bán khoản đầu tư	-	180,000,000
Lãi trái phiếu phát hành	1,310,684,932	2,618,949,771
Chi phí phát hành trái phiếu	54,512,077	109,024,154
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3,863,971,525	130,001,535,866
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(104,789,997,639)	(104,789,997,639)
Cộng	(84,199,517,190)	58,674,356,898

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí QLDN	1,719,804,836	3,942,350,617

24. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	284,236,844	284,236,844
Cộng	284,236,844	284,236,844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù hợp giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/03/2020 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và sơ dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính riêng, Công ty không trình bày các thông tin này.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng tự lập Q2/2019.



Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập